

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2024.
V/v: Ly hôn giữa chị Tăng và
anh Chua.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quảng Văn Màng.

2 – Ông Lò Văn Khệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Bế Hoàng Dương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 17 và 26/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Giàng Thị T**, sinh năm 1993.

Trú tại: **Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Mùa A Páo C**, sinh năm 1994.

Trú tại: **Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị **Giàng Thị T** trình bày:

Chị và anh **Mùa A P** Chua kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 25/6/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C, huyện M, tỉnh Sơn La**. Cuộc sống chung không hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ nhiều năm hai người sống không quan tâm

đến cuộc sống của nhau. Chị **Giàng Thị T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh **Mùa A Páo C**.

Về con chung: Có hai con là **Mùa Xuân H**, sinh ngày 06/11/2012, **Mùa Thị L**, sinh ngày 15/12/2014. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con gái, con trai để chồng nuôi và theo nguyện vọng của các con. Không yêu cầu anh **Mùa A Páo C** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản là nhà, đất ruộng, tiền bán ngô, bán bò.

Bị đơn anh **Mùa A Páo C** trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Giàng Thị T** và anh **Mùa A Páo C**. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị **Giàng Thị Tăng**. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được và anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con là **Mùa Xuân H**, sinh ngày 06/11/2012, **Mùa Thị L**, sinh ngày 15/12/2014. Anh **Mùa A Páo C** có nguyện vọng nuôi cả hai con, không yêu cầu chị **Giàng Thị T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Tại phiên tòa anh không nhất trí chia tài sản là nhà, đất ruộng, tiền bán ngô. Anh cho rằng bố mẹ vợ bán một con bò của vợ chồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Xử cho chị **Giàng Thị T** được ly hôn anh **Mùa A Páo C**.

Về con chung: Giao cho anh **Mùa A P** Chua trực tiếp nuôi dưỡng con **Mùa Xuân H**, sinh ngày 06/11/2012. Chị **Giàng Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng con **Mùa Thị L**, sinh ngày 15/12/2014. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Do đương sự rút yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản là nhà, đất ruộng, tiền bán ngô, bán bò để về hòa giải. Căn cứ theo quy định Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Chị **Giàng Thị T** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 25/6/2010 không đủ điều kiện kết hôn về độ tuổi theo quy định của khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay chị **Giàng Thị T** yêu cầu ly hôn, anh **Mùa A Páo C** xin đoàn tụ. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, để giải quyết.

[1.2] Về xem xét việc bổ sung yêu cầu của đương sự: Tại phiên tòa chị **Giàng Thị T**, anh **Mùa A P** Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản là nhà, đất ruộng, tiền bán ngô, bán bò. Anh **Mùa A Páo C** yêu cầu Tòa án giải quyết về việc bố mẹ vợ bán một con bò của vợ chồng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và việc giải quyết vụ án được chính xác khách quan. Hội đồng xét xử yêu cầu anh **Mùa A Páo C** cung cấp: Chứng cứ tài liệu giấy tờ liên quan đến việc bố mẹ vợ bán bò. Yêu cầu chị **Giàng Thị T** cung cấp: Chứng cứ tài liệu giấy tờ liên quan đến đất đai, nhà, tài sản khác.

Nhưng các đương sự đều không cung cấp được, nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Đồng thời đương sự rút yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản là nhà, đất ruộng, tiền bán ngô, bán bò để về hòa giải. Căn cứ theo quy định Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

[1.3] Đối với bố mẹ của chị **Giàng Thị T** là ông **Giàng A L1**, bà **Sùng Thị D**. Anh **Mùa A Páo C** cho rằng bố mẹ vợ bán một con bò của vợ chồng. Do các đương sự đã rút yêu cầu này, nên hai người không còn là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Giàng Thị T** và anh **Mùa A Páo C** có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị **Giàng Thị T** và anh **Mùa A Páo C** đã được gia đình và chính quyền khuyến giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị **Giàng Thị T** yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị **Giàng Thị T** được ly hôn anh **Mùa A Páo C**.

[3] Về con chung: Có hai con là **Mùa Xuân H**, sinh ngày 06/11/2012, **Mùa Thị L**, sinh ngày 15/12/2014. Căn cứ vào nguyện vọng của con **Mùa Xuân H**

muốn ở với bố, còn **Mùa Thị L** muốn ở với mẹ, nên cần chấp nhận giao cho anh **Mùa A P** Chua trực tiếp nuôi dưỡng con **Mùa X**. Giao cho chị **Giàng Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng con **Mùa Thị La .1** Không ai phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Giàng Thị T** đã được giải thích thủ tục miễn án phí, nhưng chị không cần miễn án phí. Chị **Giàng Thị T** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị **Giàng Thị T** được ly hôn anh **Mùa A Páo C**.

2. Về con chung:

Giao cho anh **Mùa A P** Chua trực tiếp nuôi dưỡng con **Mùa Xuân H**, sinh ngày 06/11/2012. Chị **Giàng Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng con **Mùa Thị L**, sinh ngày 15/12/2014. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về chia tài sản là nhà, đất ruộng, tiền bán ngô, bán bò.

Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu này bằng vụ án khác khi có đủ điều kiện.

4. Về án phí:

Chị **Giàng Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001660 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị **Giàng Thị T**, anh **Mùa A Páo C** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 26/9/2024.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Chiềng Công, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

